

**BỘ Y TẾ  
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC  
ĐÃ PHIÊ DUYỆT**

21/1/198

Lần đầu: 08/12/2017 Nhận chai 60 ml: **Kidviten** - Kích thước: 45x117 mm

Thành phần Mỗi 60 ml chứa:

Lysin hydrochlorid	1200,00 mg
Calcium	520,00 mg
Phospho	800,00 mg
Vitamin B1	12,00 mg
Vitamin B2	14,00 mg
Vitamin B6	24,00 mg
Vitamin D3	2400,00 IU
Vitamin E	60,00 mg
Nicotinamid	80,00 mg
D-Panthenol	40,00 mg
Tá dược vừa đủ	60 ml

**Chỉ định, Cách dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác:**  
 Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Bảo quản:** Trong bao bì kín, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.  
**Tiêu chuẩn áp dụng:** TCNSX  
**ĐỂ XA TẤM TAY TRẺ EM  
 ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**  
 CTY TNHH LD STADA-VIỆT NAM  
 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore,  
 Thuận An, Bình Dương, Việt Nam

Chai / Bottle 60 ml



**Kidviten**  
Siro/Syrup

STADA

Composition: Each 60 ml contains:  
 Lysine hydrochloride 1200.00 mg  
 Calcium 520.00 mg  
 Phosphorus 800.00 mg  
 Vitamin B1 12.00 mg  
 Vitamin B2 14.00 mg  
 Vitamin B6 24.00 mg  
 Vitamin D3 2400.00 IU  
 Vitamin E 60.00 mg  
 Nicotinamide 80.00 mg  
 D-Panthenol 40.00 mg  
 Excipients q.s 60 ml

**Indications, Administration, Contraindications and other precautions:**  
 Read the leaflet inside.  
 Store in a well closed container, protect from light.  
 Do not store above 30°C.  
 Manufacturer's specification  
**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
 READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE**  
 Số lô SX - Batch No. / HD - Exp. date

STADA

Siro/Syrup



**Kidviten**

Chai / Bottle 60 ml

Nhãn hộp 60 ml: **Kidviten**  
 Kích thước: 45x94x45 mm  
 Tỷ lệ: 100%



Chai 60 ml



**Kidviten**  
Siro

Siro multivitamin với Lysin & Calci

STADA

Thành phần:

Mỗi 60 ml chứa:

Lysin hydrochlorid	1200,00 mg
Calcium	520,00 mg
Phospho	800,00 mg
Vitamin B1	12,00 mg
Vitamin B2	14,00 mg
Vitamin B6	24,00 mg
Vitamin D3	2400,00 IU
Vitamin E	60,00 mg
Nicotinamid	80,00 mg
D-Panthenol	40,00 mg
Tá dược vừa đủ	60 ml

**Chỉ định, Cách dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác:**  
 Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Bảo quản:** Trong bao bì kín, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.  
**Tiêu chuẩn áp dụng:** TCNSX  
**ĐỂ XA TẤM TAY TRẺ EM  
 ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

Barcode

CTY TNHH LD STADA-VIỆT NAM  
 40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore,  
 Thuận An, Bình Dương, Việt Nam

Bottle 60 ml



**Kidviten**  
Syrup

Multivitamin syrup with Lysine & Calcium

STADA

Composition:

Each 60 ml contains:

Lysine hydrochloride	1200.00 mg
Calcium	520.00 mg
Phosphorus	800.00 mg
Vitamin B1	12.00 mg
Vitamin B2	14.00 mg
Vitamin B6	24.00 mg
Vitamin D3	2400.00 IU
Vitamin E	60.00 mg
Nicotinamide	80.00 mg
D-Panthenol	40.00 mg
Excipients q.s	60 ml

**Indications, Administration, Contraindications and other precautions:**  
 Read the leaflet inside.  
 Store in a well-closed container, protect from light.  
 Do not store above 30°C.  
 Manufacturer's specification  
**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
 READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE**  
 SDK - Reg. No.:  
 SX - Batch No. / NSX - Mfg. date / HD - Exp. date

STADA-VN J.V. Co., Ltd.  
 40 Tu Do Avenue, VietNam-Singapore  
 Industrial Park, Thuận An, Bình Dương, Vietnam

45x94x45

X13250912



DS. Phan Huy

https://trungtamthuoc.com/

https://trungtamthuoc.com/

Nhãn chai 120 ml: Kidvition - Kích thước: 60x130 mm

**Thành phần:** Mỗi 120 ml chứa:

Lysin hydroclorid	2400,00 mg
Calci	1040,00 mg
Phospho	1600,00 mg
Vitamin B1	24,00 mg
Vitamin B2	28,00 mg
Vitamin B6	48,00 mg
Vitamin D3	4800,00 IU
Vitamin E	120,00 mg
Nicotinamid	160,00 mg
D-Panthenol	80,00 mg
Tá dược vừa đủ	120 ml

**Chỉ định, Cách dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác:**  
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Bảo quản:** Trong bao bì kín, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.  
**Tiêu chuẩn áp dụng:** TCNSX  
**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

CY TNHH LD STADA-VIỆT NAM  
40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore,  
Thuận An, Bình Dương, Việt Nam

**Chai / Bottle 120 ml**

**Kidvition**

Siro/Syrup

**Composition:** Each 120 ml contains:

Lysine hydrochloride	2400.00 mg
Calcium	1040.00 mg
Phosphorus	1600.00 mg
Vitamin B1	24.00 mg
Vitamin B2	28.00 mg
Vitamin B6	48.00 mg
Vitamin D3	4800.00 IU
Vitamin E	120.00 mg
Nicotinamide	160.00 mg
D-Panthenol	80.00 mg
Excipients q.s	120 ml

**Indications, Administration, Contraindications and other precautions:**  
Read the leaflet inside.  
Store in a well-closed container, protect from light.  
Do not store above 30°C.  
Manufacturer's specification  
**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY  
BEFORE USE**

STADA

STADA

Siro/Syrup

**Kidvition**

Chai / Bottle 120 ml

Nhãn hộp 120 ml: Kidvition  
Kích thước: 49x125x49 mm  
Tỉ lệ: 95%



Chai 120 ml

**Kidvition**

Siro

Siro multivitamin  
với Lysin  
& Calci

STADA

**Thành phần:**  
Mỗi 120 ml chứa:

Lysin hydroclorid	2400,00 mg
Calci	1040,00 mg
Phospho	1600,00 mg
Vitamin B1	24,00 mg
Vitamin B2	28,00 mg
Vitamin B6	48,00 mg
Vitamin D3	4800,00 IU
Vitamin E	120,00 mg
Nicotinamid	160,00 mg
D-Panthenol	80,00 mg
Tá dược vừa đủ	120 ml

**Chỉ định, Cách dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác:**  
Xin đọc trong tờ hướng dẫn sử dụng.  
**Bảo quản:** Trong bao bì kín, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.  
**Tiêu chuẩn áp dụng:** TCNSX  
**ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG**

Barcode

CY TNHH LD STADA-VIỆT NAM  
40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore,  
Thuận An, Bình Dương, Việt Nam

Bottle 120 ml

**Kidvition**

Syrup

Multivitamin syrup  
with Lysin  
& Calcium

STADA

**Composition:**  
Each 120 ml contains:

Lysine hydrochloride	2400.00 mg
Calcium	1040.00 mg
Phosphorus	1600.00 mg
Vitamin B1	24.00 mg
Vitamin B2	28.00 mg
Vitamin B6	48.00 mg
Vitamin D3	4800.00 IU
Vitamin E	120.00 mg
Nicotinamide	160.00 mg
D-Panthenol	80.00 mg
Excipients q.s	120 ml

**Indications, Administration, Contraindications and other precautions:**  
Read the leaflet inside.  
Store in a well-closed container, protect from light.  
Do not store above 30°C.  
Manufacturer's specification  
**KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN  
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY  
BEFORE USE**

SDK - Reg. No.:  
S.X - Batch No. / NSX - Mfg. date / HD - Exp. date:

STADA-VN J.V. Co., Ltd.  
40 Tu Do Avenue, VietNam-Singapore  
Industrial Park, Thuan An, Binh Duong, Vietnam

49x125x49

X22250912



DS. Phan Huy

# Kidviton

## THÀNH PHẦN

Mỗi 60 ml si rô chứa:

Lysin hydroclorid	1200,0 mg
Calci glycerophosphat	12240,0 mg (tương ứng 520,0 mg calci và 800,0 mg phospho)
Vitamin B <sub>1</sub>	12,0 mg
Vitamin B <sub>2</sub>	14,0 mg
Vitamin B <sub>6</sub>	24,0 mg
Vitamin D <sub>3</sub>	2400,0 IU
Vitamin E	60,0 mg
Nicotinamid	80,0 mg
D-Panthenol	40,0 mg
Tà được vừa đủ	60,0 ml

Mỗi 120 ml si rô chứa:

Lysin hydroclorid	2400,0 mg
Calci glycerophosphat	24480,0 mg (tương ứng 1040,0 mg calci và 1600,0 mg phospho)
Vitamin B <sub>1</sub>	24,0 mg
Vitamin B <sub>2</sub>	28,0 mg
Vitamin B <sub>6</sub>	48,0 mg
Vitamin D <sub>3</sub>	4800,0 IU
Vitamin E	120,0 mg
Nicotinamid	160,0 mg
D-Panthenol	80,0 mg
Tà được vừa đủ	120,0 ml

(Saccharin, cremophor, sorbitol 70%, butyl hydroxytoluen, acid citric, tinh dầu cam, propylen glycol, màu caramen, kali sorbat, cồn 96%, nước tinh khiết).

## MÔ TẢ

Si rô trong, màu vàng đồng nhất, vị ngọt, thơm mùi cam.

## ĐƯỢC LỰC HỌC

Vitamin và khoáng chất có tác dụng điều chỉnh và ngăn ngừa sự suy giảm chuyển hóa tế bào trong trường hợp nhu cầu về các thành phần này tăng lên. Việc cung cấp không đủ các yếu tố trên có thể gây ra những rối loạn như suy nhược, mệt mỏi, giảm sinh lực, giảm khả năng đề kháng và giảm tốc độ hồi phục trong thời kỳ dưỡng bệnh.

Lysin là một acid amin thiết yếu đóng vai trò quan trọng trong việc tạo xương. Ở trẻ em, lysin là một acid amin thường được đánh giá là không được cung cấp đầy đủ. Calci và phospho cần thiết cho sự hình thành khối xương.

Các vitamin nhóm B cần cho các chức năng chuyển hóa bình thường. Vitamin D: chức năng sinh học chính của vitamin D là duy trì nồng độ calci và phospho huyết thanh trong khoảng bình thường bằng cách nâng cao hiệu quả của ruột non để hấp thu các khoáng chất này từ chế độ ăn.

Vitamin E ngăn chặn sự oxy hóa của các acid béo chưa bão hòa. Vitamin E phản ứng với các gốc tự do, nguyên nhân gây tổn hại màng tế bào do oxy hóa, mà không tạo ra các gốc tự do khác trong quá trình đó. D-panthenol giúp cơ thể chuyển hóa chất béo và carbohydrat.

## ĐƯỢC ĐỘNG HỌC

**Calci:** Calci được hấp thu chủ yếu qua ruột non nhờ cơ chế vận chuyển tích cực và khuếch tán thụ động. Khoảng 1/3 lượng calci được hấp thu mặc dù điều này có thể thay đổi tùy thuộc vào chế độ ăn uống và tình trạng của ruột non; ngoài ra sự hấp thu của calci tăng trong trường hợp thiếu calci và trong các giai đoạn đòi hỏi nhu cầu sinh lý cao như thời thơ ấu hoặc có thai và cho con bú. Lượng calci thừa được bài tiết chủ yếu qua thận. Lượng calci không được hấp thu cũng với lượng tiết vào mật và dịch tụy được thải trừ vào phân. Một lượng nhỏ bị mất qua mồ hôi, da, tóc và móng. Calci qua nhau thai và được phân phối vào sữa mẹ.

**Vitamin B<sub>1</sub>:** được hấp thu qua đường tiêu hóa và phân bố nhiều trong hầu hết các mô cơ thể. Lượng vượt quá nhu cầu của cơ thể không được dự trữ mà được thải trừ qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc các chất chuyển hóa của thiamin.

**Vitamin B<sub>2</sub>:** được hấp thu qua đường tiêu hóa và vào vòng tuần hoàn gắn kết với protein huyết tương. Thuốc được phân bố rộng khắp. Một lượng nhỏ được dự trữ và lượng dư thừa được thải trừ qua nước tiểu.

**Vitamin B<sub>6</sub>:** được hấp thu qua đường tiêu hóa và biến đổi thành dạng pyridoxal phosphat có hoạt tính được gắn kết với protein huyết tương. Thuốc được thải trừ qua nước tiểu dưới dạng acid 4-pyridoxic.

**Vitamin D<sub>3</sub>:** được hấp thu dễ dàng qua ruột non. Vitamin D và các chất chuyển hóa tuần hoàn trong máu gắn kết với các globulin đặc hiệu. Vitamin D bị biến đổi ở gan do thủy phân thành dạng 25-hydroxycalciferol có hoạt tính. Sau đó biến đổi ở thận thành 1,25-dihydroxycalciferol; 1,25-dihydroxycalciferol là chất chuyển hóa có vai trò tăng sự hấp thu calci. Phần vitamin D không được chuyển hóa thì được lưu trữ trong mô mỡ và cơ. Vitamin D được thải trừ qua phân và nước tiểu.

**Vitamin E:** sự hấp thu vitamin E qua đường tiêu hóa phụ thuộc vào sự hiện diện của mật và chức năng bình thường của tuyến tụy. Lượng vitamin E hấp thu giảm khi liều dùng tăng lên. Thuốc vào máu qua vi thể đường cháp trong bạch huyết và được gắn kết với các beta lipoprotein. Vitamin E được phân bố rộng rãi vào tất cả các mô và tích lại ở mô mỡ.

**Nicotinamid:** được hấp thu nhanh qua đường tiêu hóa sau khi uống và phân bố rộng khắp vào các mô cơ thể.

**D-panthenol:** dẫn chất alcol của acid D-pantothenic, dễ dàng chuyển hóa thành acid pantothenic, chất này phân bố rộng rãi trong mô cơ thể, chủ yếu dưới dạng coenzym A. Nồng độ cao nhất thấy trong gan, tuyến thượng thận, tim và thận.

## CHỈ ĐỊNH

Si rô Kidviton là thuốc bổ cho trẻ em và thanh thiếu niên đang trong giai đoạn phát triển, chế độ ăn đặc biệt và trong thời kỳ dưỡng bệnh (sau khi ốm, nhiễm trùng hoặc phẫu thuật). Ngoài ra, si rô Kidviton cũng được chỉ định cho tất cả lứa tuổi trong thời kỳ dưỡng bệnh.

## LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Si rô Kidviton được dùng bằng đường uống. Nên dùng trước bữa ăn sáng hay trưa. Có thể pha loãng với nước hay trộn với thức ăn.

- Trẻ em từ 1-5 tuổi: 7,5 ml/ ngày (= 1,5 muỗng cà phê/ ngày).
- Trẻ em ở độ tuổi đi học, thanh thiếu niên và người lớn: 15 ml/ ngày (= 1 muỗng canh/ ngày).

## CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào trong thuốc.
- Rối loạn chuyển hóa calci như tăng calci máu hay tăng thải trừ calci.
- Thừa vitamin D.
- Suy thận.
- Dùng chung với các thuốc khác chứa vitamin D.
- Bệnh gan nặng.
- Loét dạ dày tiến triển.
- Xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.

## THẬN TRỌNG

- Không nên dùng si rô Kidviton vượt quá liều đề nghị trong thời gian kéo dài, trừ khi có chỉ định khác của bác sĩ.

- Dùng thận trọng muối calci cho bệnh nhân suy thận hoặc các bệnh có liên quan đến tình trạng tăng calci huyết như bệnh sarcoid và một số khối u ác tính. Ngoài ra, nên tránh dùng các muối calci cho những bệnh nhân bị sỏi thận calci hoặc có tiền sử sỏi thận.
- Thiếu vitamin B<sub>2</sub> thường xảy ra khi thiếu những vitamin nhóm B khác.
- Bệnh sarcoid hoặc thiếu năng cận giáp có thể gây tăng nhạy cảm với vitamin D.
- Thận trọng khi dùng liều cao nicotinamid cho bệnh nhân có tiền sử bệnh loét dạ dày, bệnh túi mật hoặc tiền sử có vàng da hoặc bệnh gan, bệnh nhân đái tháo đường, bệnh gút, viêm khớp do gút hoặc dị ứng.
- D-panthenol có thể kéo dài thời gian chảy máu nên phải sử dụng thận trọng ở người có bệnh ưa chảy máu hoặc có nguy cơ chảy máu khác.

## TƯƠNG TÁC THUỐC

- **Calci:**
  - + Calci làm tăng tác dụng của digoxin và các glycosid tim khác và có thể gây độc tính.
  - + Muối calci làm giảm sự hấp thu của một vài thuốc, đặc biệt là tetracyclin. Vì vậy khuyến cáo dùng calci cách xa các chế phẩm này tối thiểu 3 giờ.
- **Vitamin B<sub>1</sub>:** có thể làm tăng tác dụng của các thuốc ức chế thần kinh cơ.
- **Vitamin B<sub>2</sub>:**
  - + Rượu có thể gây cản trở hấp thu vitamin B<sub>2</sub> ở ruột.
  - + Probenecid sử dụng cùng vitamin B<sub>2</sub> gây giảm hấp thu vitamin B<sub>2</sub> ở dạ dày, ruột.
- **Vitamin B<sub>6</sub>:**
  - + Làm giảm tác dụng của levodopa nhưng tương tác này sẽ không xảy ra nếu dùng kèm một chất ức chế men dopa decarboxylase.
  - + Làm giảm hoạt tính của alretamin, làm giảm nồng độ phenobarbital và phenytoin trong huyết thanh.
  - + Một số thuốc như hydralazin, isoniazid, penicillamin và các thuốc tránh thai đường uống có thể làm tăng nhu cầu vitamin B<sub>6</sub>.
- **Vitamin D<sub>3</sub>:**
  - + Không nên điều trị đồng thời vitamin D với cholestyramin hoặc colestipol hydroclorid, vì có thể dẫn đến giảm hấp thu vitamin D ở ruột.
  - + Không nên dùng đồng thời vitamin D với corticosteroid vì corticosteroid cản trở tác dụng của vitamin D.
  - + Không nên dùng đồng thời vitamin D với các glycosid trợ tim vì độc tính của glycosid trợ tim tăng do tăng calci huyết, dẫn đến loạn nhịp tim.
- **Vitamin E:**
  - + Đối kháng với tác dụng của vitamin K, nên làm tăng thời gian đông máu.
  - + Nồng độ vitamin E thấp ở người bị kém hấp thu do thuốc (như khi dùng cholestyramin).
- **Nicotinamid:**
  - + Sử dụng nicotinamid đồng thời với chất ức chế men khử HGM-CoA có thể làm tăng nguy cơ gây tiêu cơ vân.
  - + Sử dụng nicotinamid đồng thời với thuốc chẹn  $\alpha$ -adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức.
  - + Khẩu phần ăn và/hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với nicotinamid.
  - + Sử dụng nicotinamid đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.
  - + Không nên dùng đồng thời nicotinamid với carbamazepin vì gây tăng nồng độ carbamazepin huyết tương dẫn đến tăng độc tính.
- **D-panthenol:** không dùng D-panthenol trong vòng 1 giờ sau khi dùng succinylcholin vì D-panthenol có thể kéo dài tác dụng gây giãn cơ của succinylcholin.

## PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Có thể sử dụng thuốc trong thời gian mang thai và cho con bú với liều dùng các vitamin và muối khoáng tương đương với nhu cầu hàng ngày.

## ẢNH HƯỞNG TRÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC

Chưa có báo cáo.

## TÁC DỤNG PHỤ

- **Calci:** muối calci có thể gây kích thích đường tiêu hóa. Muối calci cũng có thể gây táo bón.
- **Vitamin B<sub>1</sub>:** các phản ứng có hại của vitamin B<sub>1</sub> rất hiếm và thường theo kiểu dị ứng.
- **Vitamin B<sub>2</sub>:** dùng liều cao vitamin B<sub>2</sub> thì nước tiểu chuyển màu vàng nhạt, gây sai lệch một số xét nghiệm nước tiểu trong phòng thí nghiệm.
- **Vitamin B<sub>6</sub>:** dùng liều cao vitamin B<sub>6</sub> trong thời gian dài (200 mg/ngày x 2 tháng) có thể làm tiến triển nặng thêm bệnh thần kinh ngoại vi.
- **Vitamin D<sub>3</sub>:** với liều không vượt quá nhu cầu sinh lý thường không độc. Tuy nhiên, có thể xảy ra cường vitamin D khi điều trị liều cao hoặc kéo dài hoặc khi tăng đáp ứng với liều bình thường vitamin D, và sẽ dẫn đến những biểu hiện lâm sàng rối loạn chuyển hóa calci.
- **Vitamin E:** thường được dùng nạp liều. Liều cao có thể gây tiêu chảy, đau bụng và các rối loạn tiêu hóa khác, mệt mỏi, yếu.
- **Nicotinamid:** liều nhỏ nicotinamid thường không độc.
- **D-panthenol:** có thể gây dị ứng nhưng hiếm gặp.

## QUẢ LIỀU

Khi dùng quá liều lớn, độc tính của chế phẩm có thể do vitamin D tan trong dầu. Sử dụng lâu dài mỗi ngày lượng lớn hơn (khoảng 75 ml) có thể gây những triệu chứng độc tính mãn tính như nôn, nhức đầu, lờ mờ và tiêu chảy. Chỉ thấy triệu chứng cấp tính với liều cao hơn.

**BẢO QUẢN:** Trong bao bì kín, tránh ánh sáng. Nhiệt độ không quá 30°C.

**HẠN DÙNG:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**ĐÓNG GÓI:** Chai 60 ml. Hộp 1 chai.

Chai 120 ml. Hộp 1 chai.

**TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG:** Tiêu chuẩn nhà sản xuất.

Để xa tầm tay trẻ em

Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Ngày duyệt nội dung tạo: 22/05/2013

STADA

CTY TNHH LD STADA-VIỆT NAM

40 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore,  
Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.  
Tel: (84).650.3767470-3767471 • Fax: (84).650.3767469

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÓ CỤC TRƯỞNG  
Nguyễn Việt Hưng

ĐS. Phan Huy